

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 78/2025/DS-ST

Ngày 18/4/2025

V/v tranh chấp hợp đồng gia công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁI BÈ, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Trung Thành

Ông Quách Trung Sơn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Quốc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 650/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2025/QĐXXST-DS ngày 27/2/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2025/QĐST-DS ngày 20/3/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Trinh A, xã H, huyện C, tỉnh T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Văn Hoàng A**, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Trinh A, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện C, tỉnh T.

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Trinh A, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện C, tỉnh T.

Bị đơn: Chị **Lê Thị U**, sinh năm 1980 (xin vắng mặt).

Anh **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1972 (xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Chánh B, xã Mỹ Hội, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 22/11/2024, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Năm 2014 chị có nhận may gia công túi xách cho

anh Huỳnh Văn N và chị Lê Thị U. Đến tháng 4/2022 anh N, chị U nợ tiền may gia công là 100.000.000 đồng nhưng không trả. Đến ngày 01/9/2024 anh N, chị U hứa mỗi tháng sẽ trả 10.000.000 đồng và ký giấy cam kết nhận nợ nhưng sau đó anh N, chị U không trả như đã hứa. Do đó, chị H yêu cầu anh N, chị U trả 100.000.000 đồng, sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn anh N, chị U đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng có đơn xin vắng mặt, tại bản tự khai ngày 17/3/2025 anh N, chị U thừa nhận còn nợ chị H 100.000.000 đồng. Do công ty nơi anh chị nhận sản phẩm về máy gia công không thanh toán tiền hàng, làm cho kinh tế của anh chị lâm vào hoàn cảnh khó khăn, mất khả năng thanh toán nên chị H có đồng ý cho anh chị trả dần số nợ này. Do đó, anh chị đồng ý trả số tiền 100.000.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn Hoàng A: Tại bản tự khai ngày 31/12/2024 anh Hoàng A đề nghị anh N, chị U trả 100.000.000 đồng và đồng ý ủy quyền cho chị H quyết định mọi vấn đề liên quan đến tiền nợ của anh N, chị U.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang phát biểu về trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết và xét xử, quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền và thời hạn xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc anh N, chị U trả cho chị H 100.000.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H yêu cầu anh N, chị U trả 100.000.000 đồng tiền may gia công túi xách nên đây là quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng gia công” theo quy định tại Điều 542 của Bộ luật dân sự. Do bị đơn có hộ khẩu thường trú tại huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Năm 2014 chị H có nhận may gia công túi xách cho anh N, chị U đến tháng 4/2022 thì anh N, chị U nợ tiền may gia công là 100.000.000 đồng nhưng không trả. Đến ngày 01/9/2024 anh N, chị U hứa mỗi tháng sẽ trả 10.000.000 đồng và ký giấy cam kết nhận nợ nhưng sau đó anh N, chị U không trả như đã hứa. Xét thấy, tại giấy nợ và cam kết trả nợ ngày 01/9/2024 thể hiện anh N, chị U có nợ chị H 100.000.000 đồng tiền gia công

may túi xách tự hủy chưa trả từ tháng 4/2022, cam kết 30 tây mỗi tháng sẽ trả 10.000.000 đồng. Bắt đầu trả từ ngày 30/9/2024 đến ngày 30/6/2025 sẽ trả hết hoàn toàn khoản nợ. Tuy nhiên, đến nay anh N, chị U không trả được khoản tiền nào là đã vi phạm thỏa thuận trả tiền nay lại yêu cầu được trả dần mỗi tháng 5.000.000 đồng nhưng không được chị H đồng ý. Căn cứ khoản 3 Điều 547 Bộ luật dân sự quy định bên nhận gia công có quyền “*Yêu cầu bên đặt gia công trả đủ tiền công theo đúng thời hạn và phương thức đã thỏa thuận*”. Do đó, chị H yêu cầu anh N, chị U trả 100.000.000 đồng sau khi án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở.

[3] Án phí: anh N, chị U phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định khoản Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo qui định tại các điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 468, 542, 544, 546, 547, 552 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Buộc anh Huỳnh Văn N và chị Lê Thị U có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Huỳnh Văn N và chị Lê Thị U chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí: Anh Huỳnh Văn N và chị Lê Thị U phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016225 ngày

29 tháng 11 năm 2024, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Cái Bè;
- CCTHADS Cái Bè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Thảo Lan

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁI BÈ
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút, ngày 18 tháng 4 năm 2025.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Thảo Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Trung Thành

Ông Quách Trung Sơn

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 650/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 11 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng gia công”, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Trinh A, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh **Trần Văn Hoàng A**, sinh năm 1976.

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Trinh A, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Trinh A, xã Hậu Mỹ Trinh, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Chị **Lê Thị U**, sinh năm 1980.

Anh **Huỳnh Văn N**, sinh năm 1972.

Nơi cư trú: Ấp Mỹ Chánh B, xã Mỹ Hội, huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC
VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 468, 542, 544, 546, 547, 552 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Thông nhất 3/3 (100%).

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H.

Buộc anh Huỳnh Văn Nỷ và chị Lê Thị Út có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), trả sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Huỳnh Văn Nỷ và chị Lê Thị Út chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Thông nhất 3/3 (100%).

2. Án phí: Anh Huỳnh Văn Nỷ và chị Lê Thị Út phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị H số tiền 2.500.000đ (Hai triệu, năm trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016225 ngày 29 tháng 11 năm 2025, của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Thông nhất 3/3 (100%).

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Thông nhất 3/3 (100%).

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút, ngày 18 tháng 4 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA